

Số: 1441/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 23 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1411/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Trần Thị Y; sinh năm: 1958; địa chỉ: Đường A, Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phạm Văn T; sinh năm: 1956; địa chỉ: Phường D, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 09, quyển số: 01/1980 của Ủy ban nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 8 năm 1980, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Trần Thị Y và ông Phạm Văn T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Theo đơn yêu cầu đề ngày 21/10/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/11/2020, bà Trần Thị Y và ông Phạm Văn T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Có 04 con chung tên là Phạm Quốc H, sinh năm: 1981, Phạm Thị Ngọc T, sinh năm: 1984, Phạm Thùy H, sinh năm: 1988 và Phạm Thị Thanh T, sinh năm: 1990. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/11/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 09, quyển số: 01/1980 của Ủy ban nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 8 năm 1980 hết hiệu lực)

- Về con chung: Có 04 con chung tên là Phạm Quốc H, sinh năm: 1981, Phạm Thị Ngọc T, sinh năm: 1984, Phạm Thùy H, sinh năm: 1988 và Phạm Thị Thanh T, sinh năm: 1990. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Bà Trần Thị Y và ông Phạm Văn T không phải nộp lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do đương sự là người cao tuổi được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Tuyết Mai**